

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2020/DSST

Ngày: 24/8/2020

*V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển. Chức vụ: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Lý Viết Chấn. Chức vụ: Cán bộ Trung âm Y tế thị trấn Phước An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thụ lý số 98/2020/TLST-DS ngày 07/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐXXST-DS, ngày 24/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HPT ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 130, đường P, Phường 3, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T. Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Lệ O.

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Đ – PGD P.

Địa chỉ: 334B, đường G, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Mai Xuân C.

Chức vụ: Nhân viên phát triển kinh doanh – Ngân hàng A – Chi nhánh Đ – PGD P.

Địa chỉ: 334B, đường G, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn yêu cầu xét xử mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Thái T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn N 2, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị T2, sinh năm 1998.

Nơi cư trú: Thôn N 2, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2020 và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Mai Xuân C trình bày: Trong quá trình thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận vào ngày 30/12/2016 Ngân hàng A – Chi nhánh Đ – PGD P căn cứ vào hợp đồng tín dụng số N2678/TC-NT, ngày 29/12/2016 có ký hợp vay vốn số N3073/116 với ông Phạm Thái T, bà Nguyễn Thị T1. Theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng chúng tôi đồng ý cho ông Phạm Thái T, bà Nguyễn Thị T1 vay số tiền là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 11%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng, thời hạn vay 12 tháng tháng kể từ ngày 30/12/2016. Phương thức thanh toán; lãi trả theo quý (06 tháng /01 lần), gốc trả khi đáo hạn.

Để đảm bảo số nợ vay nói trên ông Phạm Thái T, bà Nguyễn Thị T1 và con là Phạm Thị T2 đồng ý thế chấp cho ngân hàng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số R 590924, thửa số 124a, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện P cấp cho hộ ông Phạm Thái T ngày 16/01/2001. Diện tích 575 m². Địa chỉ thửa đất: Đội N 2, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Theo hợp đồng đã ký kết thì đến ngày 30/12/2016, ông Phạm Thái T, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ngân hàng số tiền 130.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng, nhưng đến nay mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nhưng ông Phạm Thái T, bà Nguyễn Thị T1 chỉ trả được nợ lãi trong hạn đến ngày 30/6/2017 với số tiền 7.229.444đ rồi không trả nợ thêm khoản nợ nào nữa, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng đã khởi kiện đề nghị Toà án tuyên buộc ông Phạm Thái T, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng khoảng nợ gốc là 130.000.000đ, khoảng nợ lãi trong hạn là 7.269.167đ, lãi quá hạn tính đến ngày 24/8/2020 là 57.676.667đ và khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 25/8/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Trong trường hợp ông Phạm Thái T, bà Nguyễn Thị T1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số R 590924, thửa số 124a, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Phạm Thái T ngày 16/01/2001. Diện tích 575 m². Địa chỉ thửa đất: Đội N 2, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 01/6/2020 tại Tòa án nhân dân huyện P, bị đơn Nguyễn Thị T1 thống nhất với lời khai của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về toàn bộ nội dung hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị T1 cho rằng mặc dù vợ chồng đã ly hôn nhưng về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng vẫn chưa được phân chia và do làm ăn kinh tế khó khăn nên cho đến nay bà T1 và ông T chỉ mới trả cho Ngân hàng được khoản nợ lãi trong hạn đến ngày 30/6/2017 với số tiền là 7.229.444đ. Bà Nguyễn Thị T1 thừa nhận hiện nay bà T1 và ông T còn nợ Ngân hàng 130.000.000đ (Một trăm ba

mười triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh từ ngày 01/7/2017 đến nay theo mức lãi suất đã ký kết trong hợp đồng mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã trình bày. Nguyên vọng của bà Thảo là chấp nhận trả nợ gốc cho ngân hàng và đề nghị ngân hàng giảm hoặc miễn tiền nợ lãi do hiện nay đã mất khả năng tài chính để thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị T1 chỉ có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án 01 lần và Tòa án đã tiến hành lấy lời khai, còn các lần khác không tham gia tố tụng. Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện P đã triệu tập hợp lệ để các đương sự tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2 đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai cũng như không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều Điều 71, Điều 85, và Điều 86, của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thái T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2 đã vi phạm tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A. Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Phạm Thái T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày 01/7/2016 cho đến ngày trả xong nợ. Trường hợp bà Nguyễn Thị T1 và ông Phạm Thái T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng A, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T cư trú tại xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2 vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị T2 vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Mai Xuân C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T vay Ngân hàng A - chi nhánh Đ – Phòng Giao dịch P số tiền 130.000.000 đồng, được thể hiện tại hợp đồng tín dụng số N2678/TC-NT, ngày 29/12/2016 và lời khai của bà Nguyễn Thị T1. Về lãi suất hai bên thỏa thuận 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay, thời hạn vay 12 tháng. Phương thức thanh toán; Lãi phân kỳ trả nợ 06 tháng/01 lần, gốc trả khi đáo hạn. Mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp và tiêu dùng.

Trong quá trình vay vốn bà T1, ông Thành chỉ trả được nợ lãi trong hạn đến ngày 30/6/2017 rồi không trả được cho ngân hàng khoản nợ gốc và nợ lãi nào nữa. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn của bà T1, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và vi phạm khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc bà T1, ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 130.000.000 đồng tiền gốc là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 11%/ năm, lãi suất quá hạn được tính 150% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/12/2017 là: 183 ngày x

$\{(130.000.000đ \times 11\%/năm) : 365\} = 7.269.167$ đồng.

Lãi quá hạn ngày 01/01/2018 đến ngày 24/8/2020 là 968 ngày $\times \{(130.000.000đ \times 16,5\%/năm) : 365\} = 57.676.667$ đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là 64.945.834 đồng. Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Như vậy, số tiền cần buộc bà T1, ông T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A tổng cộng số tiền là: 194.945.834đ (Một trăm chín mươi tư triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Theo hợp đồng Ủy quyền thế chấp vay vốn giữa con đã thành niên là chị Phạm Thị T2 với bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số N2678/TC được công chứng tại phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P ngày 29/12/2016, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số R 590924, thửa số 124a, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Phạm Thái T ngày 16/01/2001. Diện tích 575 m². Địa chỉ thửa đất: Đội N 2, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp giữa bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T với Ngân hàng A là có thật và hợp pháp.

Sau khi bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho bà T1, ông T theo quy định của pháp luật.

Trường hợp vợ chồng bà T1, ông T không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng A có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T phải chịu 9.747.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Theo mức tính: $194.945.834 \times 5\% = 9.747.000đ$.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 4.528.559 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, 147, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương A số tiền 194.945.834đ (Một trăm chín mươi tư triệu, chín trăm bốn mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi tư đồng). Trong đó tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 64.945.834 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng A có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số R 590924, thửa số 124a, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện P cấp cho hộ ông Phạm Thái T ngày 16/01/2001. Diện tích 575 m². Địa chỉ thửa đất: Đội N 2, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng A có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp gồm Giấy CN QSDĐ số R 590924, thửa số 124a, tờ bản đồ số 19 do UBND huyện P cấp cho hộ ông Phạm Thái T ngày 16/01/2001. Diện tích 575 m². Địa chỉ thửa đất: Đội N 2, xã Đ, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Phạm Thái T phải chịu 9.747.000 đ (Chín triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 4.528.559 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số AA/2019/0007356 ngày 04/5/2020.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện P;
- Chi cục Thi hành án P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thanh Hà